

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ khoản 3 Điều 147, khoản 3 Điều 144, Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ khoản 2 Điều 280, Điều 357, khoản 1 Điều 463, khoản 1 Điều 466 và khoản 1 Điều 470 của Bộ luật dân sự 2015.

Căn cứ Điều 91, Điều 95 Luật các Tổ chức tín dụng 2010 được sửa đổi bổ sung 2017.

Căn cứ điểm b khoản 1 Điều 24, khoản 7 Điều 26 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Căn cứ vào biên bản hòa giải thành ngày 13/5/2022 về việc các đương sự thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án dân sự thụ lý số: 17/2022/TLST-DS ngày 28/3/2022.

XÉT THẤY:

Các thỏa thuận của các đương sự được ghi trong biên bản hòa giải thành ngày 13/5/2022 về việc giải quyết toàn bộ vụ án là tự nguyện; nội dung thỏa thuận giữa các đương sự không vi phạm điều cấm của luật và không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 (bảy) ngày, kể từ ngày lập biên bản hòa giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự:

Nguyên đơn: Ngân hàng TMCP Quốc tế V (VIB).

Địa chỉ: Tầng 1 (Tầng trệt) và Tầng 2 Tòa nhà Sailing Tower, số 111A Pasteur, phường B, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Hàn Ngọc V - Chức vụ: Tổng Giám đốc.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Trần Thành C - Giám đốc thu hồi nợ trực tiếp và xử lý nợ - Trung tâm quản lý nợ ngân hàng bán lẻ - Khối Ngân hàng bán lẻ VIB.

Người được ủy quyền lại: Ông Đoàn Minh T - Cán bộ Ngân hàng TMCP Quốc tế V.

Địa chỉ: Tầng M, Tòa nhà Tổng Công ty giấy Việt Nam, số 37 Ng, Quận H, Thành phố Hà Nội.

- Bị đơn: Chị Kiều Phương L, sinh năm 1991

Địa chỉ: Thôn Ng, xã T, huyện H, tỉnh Thanh Hóa.

Nơi cư trú: H3C L, Phường H, Quận H, Thành phố Hà Nội.

2. Sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

Về số tiền nợ: Ngân hàng TMCP Quốc tế Việt Nam và chị Kiều Phương L, ký kết hợp đồng tín dụng số 4745144.19 ký ngày 24/7/2019. Số tiền giải ngân là 400.000.000đ. Ngoài ra chị L còn vay Ngân hàng TMCP Quốc tế V bằng hình thức hạn mức cấp thẻ tín dụng là 25.000.000đ (hai mươi lăm triệu đồng). Thời hạn vay là 72 tháng, lãi suất là 9.2%/năm, được áp dụng 12 tháng đầu, sau đó nếu lãi suất quay lại đều áp dụng theo lãi suất của Ngân hàng nhà nước với mức lãi suất không quá 3,2%. Quá trình thực hiện hợp đồng, chị L đã trả được cho Ngân hàng TMCP Quốc tế V 120.809.709đ. Trong đó gốc là 77.770.770đ, lãi trên nợ gốc là 43.031.979đ. Từ ngày 26/10/2020 đến nay, do chị L không thực hiện trả nợ gốc và lãi nên Ngân hàng khởi kiện buộc chị L trả nợ do vi phạm hợp đồng. Tính đến ngày 10/5/2022, chị Kiều Phương L còn nợ Ngân hàng TMCP Quốc tế V số tiền:

Cụ thể: - Đối với khoản dư nợ của HĐTD: Nợ gốc: 322.222.230đ; Nợ lãi trong hạn trên nợ gốc: 34.099.590đ. Nợ lãi quá hạn trên nợ gốc là: 53.686.467đ.

- Đối với khoản dư nợ thẻ vay: Cả tiền vay nợ gốc và tiền lãi trên nợ gốc là 74.505.475đ. Tổng cộng chị L phải trả hai khoản vay là: 484.513.762đ (*Bốn trăm tám mươi tư triệu năm trăm mười ba nghìn bảy trăm sáu mươi hai đồng*)

Về thời gian trả nợ: Các bên thống nhất, trong thời hạn 01(một) tháng, kể từ ngày 13/5/2022 đến hết ngày 13/6/2022, chị Kiều Phương L phải có trách nhiệm trả nợ cho Ngân hàng toàn bộ số tiền 484.513.762đ (*Bốn trăm tám mươi tư triệu năm trăm mười ba nghìn bảy trăm sáu mươi hai đồng*) và tiền lãi chậm trả phát sinh trên nợ gốc, kể từ ngày 11/5/2022 đến khi tất toán hết toàn bộ nợ gốc cho Ngân hàng.

Về nghĩa vụ chịu án phí: Các bên thống nhất thỏa thuận chị L phải chịu số tiền án phí là: 11.690.275đ (mười một triệu, sáu trăm chín mươi nghìn, hai trăm bảy mươi lăm đồng). Trả lại cho Ngân hàng TMCP Quốc tế V, số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 10.325.500đ, theo Biên lai thu tiền số: AA/2021/0008862 ngày 28/3/2022 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện H.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị

kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

4. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND huyện H;
- Chi cục THADS H;
- Lưu hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN

(Đã ký)

Nguyễn Văn Nghi